

SỐ 1564

TRUNG LUẬN

Tác giả: Bồ-tát Long Thọ.

Giải thích: Phạm chí Thanh Mục.

Hán dịch: Đời Diêu Tần, Tam Tạng Pháp sư Cưu-Ma-La-Thập.

QUYỂN 1

Phẩm 1: QUÁN VỀ NHÂN DUYÊN (Gồm 16 Kệ)

*Chẳng sinh cũng chẳng diệt
Chẳng thường cũng chẳng đoạn
Chẳng một cũng chẳng khác
Chẳng đến cũng chẳng đi.
Nói pháp nhân duyên ấy
Khéo trừ các hý luận
Con cúi đầu lễ Phật
Bậc thuyết pháp đệ nhất.*

Hỏi: Vì sao tạo luận này?

Đáp: Vì có người nói vạn vật từ trời Đại tự tại sinh. Có người nói từ trời Vĩ nữ sinh. Có người nói từ sự hòa hợp sinh. Có người nói từ thời sinh. Có người nói từ thế tánh sinh. Có người nói từ biến hóa sinh. Có người nói từ tự nhiên sinh. Có người nói từ vi trần sinh. Có các sai lầm như vậy nên bị rơi vào tà kiến như: không nhân, tà nhân, đoạn, thường v.v... và các thuyết ngã, ngã sở, không hiểu được chánh pháp.

Phật muốn đoạn trừ các tà kiến ấy để làm cho hiểu được Phật pháp, nên trước hết đối với hàng Thanh-văn, Phật nói mười hai nhân duyên, sau lại vì những người đã tu tập hành trì, có tâm trí lớn, có khả năng lãnh thọ giới pháp thâm diệu, Ngài mới dùng pháp Đại thừa, nói rõ thật tướng của pháp nhân duyên, nghĩa là hết thấy pháp chẳng sinh, chẳng diệt, chẳng một, chẳng khác v.v... rốt ráo không, không có gì của chính nó. Như trong kinh Bát Nhã Ba-la-mật nói: Phật bảo với Tu-bồ-đề: “Bồ-tát khi ngồi ở đạo tràng, quán mười hai nhân duyên như hư không, không thể cùng tận”. Năm trăm năm sau Phật diệt độ, vào thời tượng pháp, con người căn tánh trở nên ám độn, chấp trước sâu các pháp, đi tìm tướng quyết định thật có của mười hai nhân duyên, năm ấm, mười hai nhập, mười tám giới. Không hiểu ý của Phật, chỉ chấp vào văn tự, nghe trong pháp Đại thừa nói “rốt ráo không”, nhưng không biết vì nhân duyên gì mà không, liền sinh tâm chấp kiến và nghi ngờ: “Nếu tất cả rốt ráo không, làm sao phân biệt có tội phước báo ứng, và như vậy sẽ không có Thế đế, và Đệ nhất nghĩa đế?”. Chấp giữ lấy tướng không ấy, nên khởi lên lòng tham đắm, sinh ra nhiều điều sai lầm đối với nghĩa rốt ráo không. Vì những lý do như vậy, nên Bồ-tát Long Thọ tạo Trung Luận này.

Kệ 1:

*Chẳng sinh cũng chẳng diệt
Chẳng thường cũng chẳng đoạn
Chẳng một cũng chẳng khác
Chẳng đến cũng chẳng đi.*

Kệ 2:

*Nói pháp nhân duyên ấy
Khéo trừ các hý luận (1)
Con cúi đầu lễ Phật (2)
Bậc thuyết pháp đệ nhất.*

Với hai kệ tán thán Phật này là đã nói tóm tắt Đệ nhất nghĩa đế.

Hỏi: Các pháp vô lượng, vì sao chỉ lấy tám việc (chẳng sinh, chẳng diệt v.v...) này để phá?

Đáp: Pháp tuy vô lượng, song lược nói tám việc cũng đủ phá hết tất cả pháp.

Chẳng sinh là, vì các Luận sư có nhiều chủ trương khác nhau về tướng sinh. Có người nói nhân và quả là một. Có người nói nhân và quả là khác, hoặc cho trong nhân trước đã có quả, hoặc cho trong nhân trước không có quả, hoặc cho chính tự thể sinh, hoặc cho cái khác sinh, hoặc

cho do tự và tha cộng sinh, hoặc cho do hữu sinh hoặc cho do không sinh (tự nhiên sinh, không có nguyên nhân). Những thuyết nói về tướng sinh của vạn vật như vậy, không đúng. Việc này sau sẽ nói rộng. Vì tướng sinh nhất định không thể có được nên nói chẳng sinh.

Chẳng diệt là, nếu không có sinh thì đâu có cái gì diệt. Vì không có sinh diệt nên sáu việc kia cũng không có.

Hỏi: Không sinh không diệt đã phá hết tất cả pháp, vì sao còn nói thêm sáu việc kia?

Đáp: Vì để thành tựu ý nghĩa chẳng sinh chẳng diệt. Có người không lãnh nhận nghĩa chẳng sinh chẳng diệt, mà chỉ tin nhân nghĩa chẳng thường chẳng đoạn. Nếu tìm hiểu sâu nghĩa chẳng thường chẳng đoạn tức là nghĩa chẳng sinh chẳng diệt. Vì sao? Vì các pháp nếu thật có, không thể không có, trước có mà nay không, tức là đoạn, nếu trước sẵn có tánh, tức là thường. Thế nên nói chẳng thường chẳng đoạn, liền nhập vào nghĩa chẳng sinh chẳng diệt.

Có người tuy nghe nói bốn môn (chẳng sinh, chẳng diệt, chẳng thường, chẳng đoạn) phá trừ các pháp, song còn bốn môn (một, khác, đến, đi) thành lập các pháp, việc ấy không đúng. Nếu là một thì không có nhân duyên, nếu là khác thì không có tương tục nhau. Sau đây sẽ phá từng loại. Thế nên lại nói chẳng một, chẳng khác.

Có người tuy nghe nói sáu môn (chẳng sinh, chẳng diệt, chẳng thường, chẳng đoạn, chẳng một, chẳng khác) phá trừ các pháp, song còn dùng đến và đi để thành lập các pháp. Đến là cho các pháp đến từ trời Tự Tại, hoặc thế tánh hoặc vi trần v.v... Đi là trở về lại chỗ cũ.

Lại nữa, vạn vật không có sinh. Vì sao? Vì thế gian hiện thấy. Thế gian mắt thấy kiếp ban sơ lúa chẳng sinh. Vì sao? Vì lia lúa trong kiếp ban sơ thì lúa hiện nay không thể có được. Nếu lia lúa trong kiếp ban sơ mà lúa có hiện nay mới gọi là có sinh ra, song kỳ thật không như vậy. Thế nên chẳng sinh.

Hỏi: Nếu chẳng sinh thì phải diệt?

Đáp: Chẳng diệt. Vì sao? Vì thế gian hiện thấy. Thế gian mắt thấy lúa trong kiếp ban sơ chẳng diệt, nếu diệt thì nay không thể có lúa, song kỳ thật có lúa. Thế nên chẳng diệt.

Hỏi: Nếu chẳng diệt thì phải thường?

Đáp: Chẳng thường. Vì sao? Vì thế gian hiện thấy. Thế gian mắt thấy vạn vật chẳng thường, như khi hạt lúa mọc mầm, thì hạt lúa biến hoại. Thế nên chẳng thường.

Hỏi: Nếu chẳng thường thì phải đoạn?

Đáp: Chẳng đoạn. Vì sao? Vì thế gian hiện thấy. Thế gian mắt thấy vạn vật chẳng đoạn, như từ hạt lúa có mầm. Thế nên chẳng đoạn. Nếu đoạn thì không thể tiếp nối.

Hỏi: Nếu vậy vạn vật là một chẳng?

Đáp: Chẳng một. Vì sao? Vì thế gian hiện thấy. Thế gian mắt thấy vạn vật chẳng một, như hạt lúa không làm mầm, mầm không làm hạt lúa. Nếu hạt lúa làm mầm, mầm làm hạt lúa mới là một, song kỳ thật không như vậy. Thế nên chẳng một.

Hỏi: Nếu chẳng một thì phải khác?

Đáp: Chẳng khác. Vì sao? Vì thế gian hiện thấy. Thế gian mắt thấy vạn vật chẳng khác. Nếu khác thì cơ sao phân biệt đây là mầm lúa, cành lúa, lá lúa mà không nói đây là mầm cây, cành cây, lá cây? Thế nên chẳng khác.

Hỏi: Nếu chẳng khác thì phải có đến?

Đáp: Chẳng đến. Vì sao? Vì thế gian hiện thấy. Thế gian mắt thấy vạn vật không đến. Như mầm trong hạt lúa không từ đâu đến. Nếu đến thì mầm ấy phải từ chỗ khác đi đến, như chim đến đậu trên cây, song kỳ thật không như vậy. Thế nên chẳng đến.

Hỏi: Nếu chẳng đến thì phải có đi?

Đáp: Chẳng đi. Vì sao? Vì thế gian hiện thấy. Thế gian mắt thấy vạn vật chẳng đi. Nếu có đi thì phải thấy mầm từ hạt lúa đi ra, như rắn từ trong hang bò ra, kỳ thật không như vậy. Thế nên chẳng đi.

Hỏi: Tuy ông đã giải thích ý nghĩa chẳng sinh chẳng diệt v.v... song tôi muốn nghe luận thuyết của người tạo luận?

Đáp:

Kệ 3:

Các pháp chẳng tự sinh

Chẳng do cái khác sinh

Chẳng cộng, chẳng vô nhân

Vì vậy biết vô sinh.

Chẳng tự sinh là vạn vật không sinh ra từ chính tự thể nó, mà nhất định phải chờ đủ các nhân duyên mới sinh ra.

Lại nữa, nếu pháp sinh ra từ chính tự thể nó, thì một pháp có hai thể, một là đối tượng được sinh, hai là chủ thể sinh. Nếu không cần các nhân, chỉ từ chính tự thể nó sinh ra, thì thành ra không có nhân duyên và sinh ra lại sinh nữa, không cần nhân duyên, thì sinh sinh mãi vô cùng.

Vì tự không có, nên tha cũng không có. Vì sao? Vì có tự nên mới có tha. Nếu không sinh từ chính nó, thì cũng không sinh từ cái khác (nên

tha sinh).

(Tự và tha) cộng sinh thì bị hai lỗi là lỗi tự sinh và lỗi tha sinh như trên.

Nếu không có nguyên nhân mà có vạn vật thì đó là thường, việc ấy không đúng, vì không có nhân thì không có quả. Nếu không có nhân mà có quả, thì làm việc bố thí, giữ giới lại bị đọa vào địa ngục, mà làm mười điều ác, năm tội nghịch lại được sinh cõi trời, vì không có nguyên nhân.

Lại nữa,

Kệ 4:

*Như tự tánh các pháp
Không ở trong các duyên
Vì tự tánh: không có
Nên tha tánh cũng không.*

Tự tánh của các pháp không có sẵn ở trong các duyên (tức các điều kiện tương quan) chỉ do các duyên hòa hợp lại nên có được tên gọi (là pháp này pháp kia). Tự tánh chính là tự thể. Trong các duyên không có tự tánh, vì tự tánh trong các duyên không có, nên không tự sinh. Tự tánh không có nên tha tánh cũng không có. Vì sao? Vì nhân nơi tự tánh mà có tha tánh, tha tánh đối với cái khác cũng là tự tánh. Nếu phá tự tánh là phá tha tánh. Thế nên không thể từ tha tánh sinh. Nếu phá nghĩa tự tánh sinh, tha tánh sinh, tức là phá nghĩa (tự tánh tha tánh) cộng sinh. Còn nói không nhân sinh thì có lỗi lớn. Nói có nhân sinh còn bị phá, huống gì nói không nhân sinh. Ở trong bốn cách (tự sinh, tha sinh, cộng sinh, vô nhân sinh) trên, tìm tướng sinh không thể có được. Thế nên nói vô sinh.

Hỏi: Học giả A-tỳ-đàm nói: Các pháp từ bốn duyên sinh, nay vì sao nói không sinh? Bốn duyên là gì? Là:

Kệ 5:

*Nhân duyên, Thứ đệ duyên
Duyên duyên, Tăng thượng duyên
Bốn duyên sinh các pháp
Không có duyên thứ năm.*

Đáp: Tất cả duyên đều gom vào trong bốn duyên. Do bốn duyên ấy vạn vật được sinh khởi. Nhân duyên là chỉ cho hết thủy pháp hữu vi. Thứ đệ duyên là chỉ cho tâm, tâm sở pháp quá khứ, hiện tại, trừ tâm, tâm sở pháp tối hậu của vị A-la-hán quá khứ, hiện tại. Sở duyên duyên và Tăng thượng duyên là chỉ cho hết thủy pháp.

Kệ 6:

*Quả là từ duyên sinh
Hay từ phi duyên sinh
Duyên ấy sẵn có quả
Hay là vốn không quả?*

Nếu bảo có quả thì quả ấy từ duyên sinh ra hay từ phi duyên sinh? Nếu bảo từ duyên sinh ra thì trong duyên ấy đã sẵn có quả hay không sẵn có quả? Cả hai đều không đúng. (Cứ cái gì từ nhân khác sinh ra, thì gọi là quả). Vì sao? Vì:

Kệ 7:

*Nếu pháp nào sinh quả
Gọi pháp ấy là duyên
Thì quả khi chưa sinh
Sao không gọi phi duyên?*

Các duyên không có quyết định. Vì sao? Nếu quả chưa sinh, khi ấy không gọi nó là duyên. Chỉ khi con mắt thấy quả từ duyên sinh ra gọi đó là duyên, duyên thành là do nơi quả, vì quả có sau mà duyên có trước. Nên nếu khi chưa có quả thì đâu được gọi là duyên. Như cái bình do đất nước hòa hợp nên có cái bình sinh ra, vì thấy cái bình nên biết đất nước là cái duyên của cái bình, vậy nếu khi bình chưa có thì sao không gọi đất nước là phi duyên. Thế nên biết quả không từ duyên sinh, duyên còn không sinh, huống gì phi duyên.

Lại nữa,

Kệ 8:

*Quả trước ở trong duyên
Có không đều không thể
Trước không làm duyên cho gì
Trước có, đâu cần duyên.*

Trong duyên trước chẳng phải có quả, chẳng phải không có quả. Nếu trước đã có quả, thì không gọi là duyên, vì quả đã có trước rồi. Nếu quả trước không có sẵn ở trong duyên, thì cũng không gọi là duyên, vì nó không sinh ra vật gì khác.

Hỏi: Đã phá hết tất cả nhân duyên, bây giờ muốn nghe (lý lẽ) phá từng duyên một.

Đáp:

Kệ 9:

*Nếu quả chẳng có sinh
Cũng lại chẳng không sinh*

*Chẳng có, chẳng không sinh
Đâu được nói có duyên.*

Nếu từ duyên sinh ra quả, thì phải có ba loại là hoặc đã có quả, hoặc không có quả, hoặc có và không có quả, như trong kệ trước đây nói: Ở trong duyên, nếu trước đã sẵn có quả, thì không nên gọi là sinh, vì đã có trước rồi, nếu trước không sẵn có quả, thì không thể nói là sinh, vì trước đã không có. Như vậy, duyên và không duyên giống nhau, vì có duyên hay không có duyên, quả cũng không sinh. Có và không có, tức là nửa có nửa không, cả hai đều có lỗi. Lại có và không có trái nhau, không có và có trái nhau, đâu được trong một pháp mà có hai tướng. Ba loại như vậy tìm tướng sinh của quả không thể có được thì sao nói có nhân duyên.

Kệ 10:

*Nếu khi quả chưa sinh
Thì không thể có diệt
Pháp diệt đâu thể duyên
Nên không thứ đệ duyên.*

Các tâm, tâm sở pháp thứ lớp phát sinh trải qua ba đời. Tâm sở hiện tại diệt đi diệt lại làm Duyên thứ đệ tâm sở vị lai phát sinh. Vậy khi pháp vị lai chưa sinh, nó làm Duyên thứ đệ cho cái gì? Nếu pháp vị lai đã có sẵn thì liền sinh, chứ cần gì đến Duyên thứ đệ.

Tâm, tâm sở hiện tại không có lúc nào an trụ, nếu không an trụ thì đâu có thể làm Duyên thứ đệ. Nếu an trụ thì nó chẳng phải là pháp hữu vi. Vì sao? Vì hết thấy pháp hữu vi, thường có tướng hoại diệt. Nếu diệt thì không thể làm Duyên thứ đệ. Nếu cho pháp diệt rồi mà vẫn có, tức là thường, thường thì không có tội phước. Nếu bảo khi diệt có thể làm Duyên thứ đệ, thì khi diệt một nửa diệt, một nửa chưa diệt, không có cái thứ ba gọi là khi diệt.

Lại, Phật dạy hết thấy pháp hữu vi niệm niệm diệt, không có một giây phút ngưng, vậy làm sao nói pháp hiện tại có một phần sắp diệt, một phần chưa sắp diệt. Ông nói trong một niệm không có một phần sắp diệt, một phần chưa sắp diệt, thế là ông tự phá giáo pháp của ông. Trong luận A-tỳ-đàm của các ông nói, có pháp diệt có pháp không diệt, có pháp sắp diệt, có pháp chưa sắp diệt. Pháp sắp diệt là pháp hiện tại, sắp muốn diệt. Pháp chưa sắp diệt là chỉ tất cả pháp hiện tại khác và pháp quá khứ, vị lai, pháp vô vi, trừ pháp hiện tại sắp diệt. Ấy gọi là pháp chưa sắp diệt. Thế nên không có Duyên thứ đệ.

Sở duyên duyên là:

Kệ 11:

*Pháp chân thật vi diệu
Như Chư Phật đã nói
Đối pháp không duyên này
Làm sao có duyên duyên.*

Phật dạy các pháp Đại thừa, hoặc có sắc không sắc, có hình không hình, hữu lậu vô lậu, hữu vi, vô vi, khi pháp tướng pháp tánh, thì tất cả đều không, không tướng, không duyên, ví như muôn sông chảy vào biển, hòa đồng một vị, đó là pháp thật đáng tin, còn các pháp Phật nói ra để thích nghi theo căn cơ, không thể xem là thật. Thế nên không có Sở duyên duyên.

Tăng thượng duyên là:

Kệ 12:

*Các pháp không tự tánh
Nên không có tướng có
Nói là có việc ấy
Việc ấy có, không đúng.*

Kinh nói mười hai nhân duyên, vì việc này có nên việc kia có, là không đúng. Vì sao? Vì các pháp từ các duyên sinh, tự nó không có tánh nhất định, tự nó không có tánh nhất định nên không có tướng thật có, tướng thật có không có, vậy làm sao nói do việc ấy có nên việc kia có. Thế nên không có tăng thượng duyên. Phật tùy theo chỗ phạm phu phân biệt có và không, nên nói các duyên.

Lại nữa,

Kệ 13:

*Trong nhân duyên lược, rộng
Tìm quả không thể được
Trong nhân duyên không có
Thì sao từ duyên sinh.*

Lược là ở trong nhân duyên hòa hợp không có quả. Rộng là trong mỗi mỗi duyên cũng không có quả. Nếu trong nhân duyên lược hoặc rộng đều không có quả, làm sao nói quả từ nhân duyên xuất sinh.

Lại nữa,

Kệ 14:

*Nếu bảo duyên không quả
Mà quả từ duyên ra
Vậy vì sao quả ấy Chẳng
từ phi duyên sinh.*

Nếu trong duyên tìm quả không thể có được, (nhưng quả từ nhân duyên xuất sinh) vậy cố sao quả ấy không từ trong Phi duyên xuất sinh, như trong đất không có bình, (vẫn sinh ra bình), tại sao không từ trong sữa sinh ra bình.

Lại nữa,

Kệ 15:

*Nếu quả từ duyên sinh
Duyên ấy không tự tánh
Từ vô tự tánh sinh
Đâu phải từ duyên sinh.*

Kệ 16:

*Quả không từ duyên sinh
Chẳng từ phi duyên sinh
Vì quả không thật có
Duyên, phi duyên cũng không.*

Quả từ các duyên sinh, mà các duyên ấy không có tự tánh. Nếu không có tự tánh, thì không có pháp thật, không có pháp thật thì đâu có thể sinh được. Thế nên quả không từ duyên sinh. Không từ phi duyên sinh là vì phá duyên nên nói phi duyên, chứ thật không có pháp phi duyên, nên không từ phi duyên sinh. Nếu không từ duyên sinh, phi duyên sinh thì không có quả. Vì quả không có nên duyên và phi duyên cũng không có.
